

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/DS-PT

Ngày 20 - 7 - 2022

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh
Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 96/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: Ông Trương Kim Q, sinh năm 1958
Bà Dương Thị D, sinh năm 1962

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Kim Q: Chị Trương Kiều Tr, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: ấp L, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B (Bà D và chị Tr có mặt)

- Đồng bị đơn: Anh Phan Văn Ng, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Chị Trần Hồng N, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh B

- Người kháng cáo: Đồng nguyên đơn ông Trương Kim Q, bà Dương Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, đồng nguyên đơn ông Trương Kim Q, bà Dương Thị D trình bày:

Ông Trương Kim Q, bà Dương Thị D xây dựng nhà vào cuối năm 2010, đến đầu năm 2011 thì hoàn thành, toàn bộ căn nhà và mái che nhà trước có chiều ngang 4,8m, dài 40,6m. Khi xây dựng nhà ông Q, bà D có thuê Phòng Kinh tế -

Hạ tầng huyện Ph lập hồ sơ thiết kế, có làm thủ tục đăng ký xây dựng tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ph nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà. Khi xây dựng có kết cấu là cột bê tông cốt thép, vách xây tường 04 phía, nền móng cừ cây tràm, nền lát gạch ceramic và tráng xi măng. Vào ngày 30/4/2019, anh Phan Văn N và Chị N xây dựng nhà trên phần đất giáp ranh với nhà của ông Q, bà D. Quá trình thi công anh N, chị N đã dùng máy hơi để ép cừ bê tông khiến nhà ông Q, bà D bị hư hỏng gồm: phần đà nhà bị lún, tường và cột bị nứt, nền nhà bị lún, làm rớt la phong thạch cao và cửa không đóng mở được.

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, ông Q, bà D yêu cầu anh N, chị N bồi thường thiệt hại căn nhà với số tiền 450.000.000 đồng; đến ngày 07/11/2019 ông Q, bà D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh N, chị N bồi thường căn nhà theo kết quả giám định số tiền là 194.176.000 đồng, trong đó chi phí sửa chữa hư hỏng là 77.945.000 đồng và chi phí khắc phục nghiêng lún là 116.321.000 đồng. Ngoài ra, ông Q, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Đồng bị đơn anh Phan Văn N và Chị N trình bày:

Vào tháng 4 năm 2019, anh N, chị N tiến hành xây nhà trên phần đất giáp với căn nhà của ông Q, bà D; quá trình thi công có dùng máy để ép cọc bê tông trên đất, thời gian thi công được nửa tháng thì bên phía ông Q, bà D không đồng ý cho thi công với lý do là việc xây nhà của anh N, chị N làm ảnh hưởng đến nhà của ông Q, bà D.

Anh N, chị N có qua nhà ông Q, bà D vào ngày 02/5/2019 (dương lịch) xem xét việc ảnh hưởng thì thấy bức tường bên nhà ông Q, bà D có bị nứt nhỏ nhưng đây không phải là thiệt hại lớn. Trước khi thi công thì anh N, chị N tháo dỡ nhà cũ và chừa lại phần bức tường kế bên phía nhà ông Q, việc thi công căn nhà của anh N, chị N nằm bên trong bức tường của căn nhà cũ. Do đó việc ép cọc cừ không làm thiệt hại đến căn nhà của ông Q, bà D. Do đó, anh N, chị N không đồng ý bồi thường thiệt hại căn nhà cho ông Q, bà D với số tiền 194.176.000 đồng.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh B đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Kim Q và bà Dương Thị D về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

- Buộc anh Phan Văn N có nghĩa vụ bồi thường cho ông Trương Kim Q và bà Dương Thị D số tiền khắc phục sửa chữa nhà bị hư hỏng là 42.500.000 đồng. Buộc Chị N có nghĩa vụ bồi thường cho ông Trương Kim Q và bà Dương Thị D số tiền khắc phục sửa chữa nhà bị hư hỏng là 42.500.000 đồng.

- Bác yêu cầu bồi thường khắc phục nhà nghiêng, lún của ông Trương Kim Q và bà Dương Thị D là 116.321.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án; chi phí giám định; án phí; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, đồng nguyên đơn ông Trương Kim Q và bà Dương Thị D kháng cáo yêu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông bà, buộc anh N, chị N bồi thường thiệt hại độ lún của căn nhà gây hư hỏng nứt tường, nứt cột với số tiền là 116.321.000 đồng; Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí và chịu toàn bộ chi phí giám định, định giá thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị tại Quyết định kháng nghị số 07/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/7/2021 đề nghị sửa một phần án sơ thẩm. Đề nghị sửa một phần án sơ thẩm đối với các vấn đề sau: số tiền nguyên đơn bị bác yêu cầu phải là 109.176.000 đồng; Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền bị bác yêu cầu là 109.176.000 đồng mới đúng theo khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chi phí giám định cần sửa cho đúng số tiền các đương sự phải nộp tổng cộng là 40.200.000 đồng.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của các đương sự, đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Ông Trương Kim Q, bà Dương Thị D cho rằng anh anh Phan Văn N và Chị N đã có hành vi xâm phạm đến tài sản của ông bà nên khởi kiện tại Tòa án buộc anh N, chị N bồi thường thiệt hại về tài sản; các bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Ph, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện Ph thụ lý, giải quyết sơ thẩm là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của đồng nguyên đơn nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[3] Về nội dung: Xét căn cứ yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Trương Kim Q, bà Dương Thị D đối với anh Phan Văn N và Chị N: Ông Q, bà D cho rằng quá trình thi công nhà anh N, chị N đã dùng máy hơi để ép cừ bê tông khiến nhà ông Q, bà D bị hư hỏng gồm: phần đà nhà bị lún, tường và cột bị nứt, nền nhà bị lún, làm rớt la phong thạch cao và cửa không đóng mở được. Tuy nhiên, anh N, chị N cho rằng trước khi thi công có chừa lại phần bức tường kế bên phía nhà ông Q, việc thi công căn nhà của anh N, chị N nằm bên trong

bức tường của căn nhà cũ nên việc ép cọc cừ không làm thiệt hại đến căn nhà của ông Q, bà D, nhà ông Q tuy có vết nứt tường nhưng không phải là thiệt hại lớn, không đồng ý thỏa thuận bồi thường thiệt hại.

[4] Căn cứ vào quy định của Bộ luật dân sự và căn cứ vào Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại chỉ phát sinh khi có đầy đủ các yếu tố sau: Phải có thiệt hại xảy ra; Phải có hành vi trái pháp luật; Phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật; Phải có lỗi của người gây ra thiệt hại. Căn cứ Kết luận kiểm định ngày 30/10/2019 của Công ty cổ phần kiểm định xây dựng Sài Gòn đã kết luận: “*Tại thời điểm khảo sát hư hỏng hiện trạng kiến trúc và kết cấu công trình nhà nguyên đơn có các dạng hư hỏng chủ yếu như: tường bị nứt, thấm; nứt nền sân lát vỉa xi, nứt bề gạch lát nền, hư hỏng trần...*” và “*nguyên nhân chủ yếu gây ra hư hỏng và hiện tượng nghiêng lún của công trình nhà ông (bà) Trương Kim Quang – Dương Thị Dân chủ yếu là do quá trình thi công xây dựng mới nhà ông (bà) Phan Văn Ngoan – Trần Hồng Ni*”. Như vậy, căn cứ vào kết luận kiểm định đủ cơ sở xác định trong vụ việc này, thiệt hại đã có xảy ra trên thực tế, nguyên nhân nhà của ông Q, bà D hư hỏng và có hiện tượng nghiêng lún là do quá trình anh N, chị N thi công, xây dựng nhà liền kề gây ra, có hành vi gây ra thiệt hại cũng như mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi, đồng thời, có lỗi của anh N, chị N trong việc gây ra thiệt hại. Cấp sơ thẩm xác định có phát sinh nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của anh N, chị N đối với ông Q, bà D là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của ông Q, bà D về việc buộc anh N, chị N bồi thường độ lún của căn nhà gây hư hỏng nứt tường, nứt cột với số tiền là 116.321.000 đồng: Xét thấy, số tiền 116.321.000 đồng ông Q, bà D yêu cầu là dựa trên Kết luận kiểm định ngày 30/10/2019 của Công ty cổ phần kiểm định xây dựng Sài Gòn. Tuy nhiên, kiểm tra các nội dung của quyết định trưng cầu giám định số 07 ngày 12/7/2019 thì Kết luận kiểm định của Công ty cổ phần kiểm định xây dựng Sài Gòn chỉ xác định được độ nghiêng, nứt; diện tích nghiêng nứt và nguyên nhân dẫn đến việc nghiêng nứt, Công ty chưa đề ra các giải pháp thiết kế khắc phục độ nghiêng, lún công trình nhà của ông Q, bà D, chưa tính khối lượng công việc cụ thể để khắc phục và dự toán chi phí khắc phục nghiêng, lún; số tiền 116.321.000 đồng chỉ là giá trị tạm tính để tham khảo. Tại cấp sơ thẩm, Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định xây dựng Bạc Liêu đã xác định: Về chi phí khắc phục nghiêng, lún theo hồ sơ kiểm định của Công ty cổ phần kiểm định xây dựng Sài Gòn “*Vấn đề này Công ty Cổ phần Tư vấn và kiểm định xây dựng Bạc Liêu đã nêu trong văn bản số 106/CTY-TTGS ngày 08/7/2020 là giá trị khắc phục nghiêng, lún do Công ty Cổ phần kiểm định xây dựng Sài Gòn lập chỉ là tạm tính (các bản vẽ trong kết quả kiểm định chỉ đo vẽ độ nghiêng của cột, độ lún của nền,... nhưng chưa có giải pháp thiết kế, khắc phục cụ thể) nên chưa có cơ sở xác định giá trị này (để có đủ cơ sở xác định giá trị này thì phải có bản vẽ thiết kế chi tiết, đủ số liệu để tính toán được khối lượng công việc cụ thể từ đó mới tính được giá trị dự toán khắc phục nghiêng lún)*” (công văn số 149/CV-CTYKĐ ngày 07/9/2020 của Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định xây dựng

Bạc Liêu). Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã yêu cầu ông Q, bà D tìm kiếm, liên hệ với các đơn vị đủ điều kiện năng lực thực hiện chức năng giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng và thông báo cho Tòa án biết để tiến hành thủ tục trưng cầu giám định. Tuy nhiên, ông Q, bà D không đồng ý thực hiện, không có yêu cầu Tòa án tiến hành thủ tục trưng cầu giám định và yêu cầu Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để tiếp tục giải quyết. Ngoài ra, ông Q, bà D không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh chi phí khắc phục nghiêng, lún của căn nhà là 116.321.000 đồng nên cấp sơ thẩm bác yêu cầu bồi thường chi phí khắc phục nghiêng, lún nhà 116.321.000 đồng của ông Q, bà D là có căn cứ, đã xem xét, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật đúng.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/12/2021, bà D và chị Trang (đại diện theo ủy quyền của ông Q) yêu cầu Tòa án trưng cầu Công ty cổ phần kiểm định xây dựng Sài Gòn giám định chi phí khắc phục nghiêng, lún nhà. Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa để tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc trưng cầu giám định. Tòa án nhận được Công văn phúc đáp số 138/CV.32/SCQC ngày 21/3/2022 của Công ty cổ phần kiểm định xây dựng Sài Gòn yêu cầu cung cấp “đơn giá sửa chữa và suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu” để phục vụ công tác giám định. Tòa án đã yêu cầu đồng nguyên đơn cung cấp chứng cứ trên theo yêu cầu của cơ quan được trưng cầu giám định, đồng thời, Tòa án trực tiếp tiến hành thu thập chứng cứ trên. Tuy nhiên, đồng nguyên đơn không cung cấp và Tòa án không thu thập được chứng cứ theo yêu cầu của Công ty cổ phần kiểm định xây dựng Sài Gòn, do đó, không thể trưng cầu giám định theo yêu cầu của đồng nguyên đơn. Ngoài ra, đồng nguyên đơn không cung cấp thêm chứng cứ mới chứng minh chi phí khắc phục độ nghiêng, lún nhà nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Q, bà D.

[7] Xét kháng cáo của ông Q, bà D về việc yêu cầu anh N, chị N phải chịu toàn bộ án phí và chi phí giám định: Căn cứ Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về “Nghĩa vụ chịu chi phí giám định” thì ông Q, bà D là người yêu cầu giám định và kết quả giám định chứng minh yêu cầu của ông bà chỉ có căn cứ một phần nên ông bà phải chịu một phần chi phí giám định. Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, trong vụ án này ông Q và bà D bị bác yêu cầu đối với số tiền là 109.176.000 đồng nên phải chịu án phí tính trên số tiền 109.176.000 đồng không được Tòa án chấp nhận. Như vậy, cấp sơ thẩm buộc ông Q, bà D phải chịu 1 phần chi phí giám định và phải chịu 1 phần án phí là phù hợp quy định pháp luật, việc ông Q, bà D kháng cáo buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí và chi phí giám định là không có căn cứ, không đúng quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[7] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

[7.1] Đối với nội dung số tiền nguyên đơn bị bác yêu cầu phải là 109.176.000 đồng, qua kiểm tra số liệu, đối chiếu yêu cầu của đương sự và quá trình các đương sự tự thỏa thuận tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn bồi thường tổng cộng 194.176.000 đồng, do đủ căn cứ chấp nhận chi phí

sửa chữa hư hỏng nứt tường, nứt cột... là 49.799.000 đồng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn tự nguyện bồi thường được cấp sơ thẩm ghi nhận buộc đồng bị đơn bồi thường là 85.000.000 đồng nên số tiền nguyên đơn bị bác yêu cầu là: 194.176.000 đồng - 85.000.000 đồng = 109.176.000 đồng đúng như kháng nghị của Viện kiểm sát, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, điều chỉnh số tiền chính xác nguyên đơn bị bác yêu cầu là 109.176.000 đồng.

[7.2] Đối với nội dung kháng nghị về số tiền án phí nguyên đơn phải chịu, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, số tiền án phí nguyên đơn phải chịu là 109.176.000 đồng x 5% = 5.458.800 đồng (làm tròn số là 5.459.000 đồng).

[7.3] Đối với nội dung kháng nghị về chi phí giám định là có căn cứ, chi phí giám định tổng cộng là 40.200.000 đồng, các đương sự đã dự nộp xong, chi phí hết. Cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Q, bà D phải chịu 21.100.000 đồng, anh N, chị N phải chịu mỗi người 10.550.000 đồng là không chính xác, cần buộc ông Q, bà D phải chịu 20.100.000 đồng; anh N, chị N phải chịu mỗi người phải chịu 10.050.000 đồng. Do ông Q, bà D đã dự nộp 38.000.000 đồng và anh N, chị N đã dự nộp 2.200.000 đồng nên cần tuyên buộc anh N, chị N mỗi người phải nộp 8.950.000 đồng để hoàn trả cho ông Q, bà D mới đảm bảo tính chính xác.

Do đó, đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần án sơ thẩm đối với các nội dung theo kháng nghị của Viện kiểm sát.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của đồng nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần Bản án số 48/2021/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Bạc Liêu. Như đã phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[9] Đối với chi phí giám định: Tổng chi phí giám định là 40.200.000 đồng. Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của ông Q, bà D chỉ có căn cứ một phần nên ông Q, bà D phải chịu một phần chi phí giám định là phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Q, bà D phải chịu chi phí giám định là 20.100.000 đồng; anh N, chị N mỗi người phải chịu chi phí giám định là 10.050.000 đồng. Ông Q, bà D đã dự nộp 38.000.000 đồng và anh N, chị N đã dự nộp 2.200.000 đồng nên cần tuyên buộc anh N, chị N mỗi người phải nộp 8.950.000 đồng để hoàn trả cho ông Q, bà D.

[10] Án phí: Do nguyên đơn kháng cáo và không được chấp nhận, việc sửa án sơ thẩm là do chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và không liên quan đến nội dung kháng cáo của đồng nguyên đơn nên đồng nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát liên quan đến án phí của đồng nguyên đơn nên xác định lại mức án phí dân sự sơ thẩm đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Q, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là

5.459.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm của anh N và chị N giữ nguyên, mỗi người phải chịu là 2.125.000 đồng.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Kim Q và bà Dương Thị D; Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 164, 170, 174, 589, 605 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30/10/2015 của Bộ xây dựng quy định về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ;

- Căn cứ Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Kim Q và bà Dương Thị D về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

2. Buộc anh Phan Văn N có nghĩa vụ bồi thường cho ông Trương Kim Q và bà Dương Thị D số tiền khắc phục sửa chữa nhà bị hư hỏng là 42.500.000 đồng.

3. Buộc Chị N có nghĩa vụ bồi thường cho ông Trương Kim Q và bà Dương Thị D số tiền khắc phục sửa chữa nhà bị hư hỏng là 42.500.000 đồng.

4. Bác yêu cầu bồi thường khắc phục nhà nghiêng, lún của ông Trương Kim Q và bà Dương Thị D số tiền là 109.176.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về chi phí giám định: Ông Trương Kim Q và bà Dương Thị D phải chịu 20.100.000 đồng và anh Phan Văn N, Chị N mỗi người phải chịu 10.050.000 đồng.

Ông Q và bà D đã dự nộp 38.000.000 đồng; anh N, chị N đã dự nộp 2.200.000 đồng đã chi phí hết. Buộc anh Phan Văn N và Chị N mỗi người nộp 8.950.000 đồng để hoàn trả cho ông Trương Kim Q và bà Dương Thị D.

7. Về án phí:

7.1. Án phí sơ thẩm: Ông Trương Kim Q và bà Dương Thị D phải chịu 5.459.000 đồng, ông Q, bà D đã nộp tiền tạm ứng án phí 11.000.000 đồng tại lai thu số 0014093 ngày 27/5/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Ph được chuyển thu án phí 5.459.000 đồng; ông Q, bà D được nhận lại 5.541.000 đồng.

Buộc anh Phan Văn N, Chị N mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.125.000 đồng.

7.2. Án phí phúc thẩm: Ông Trương Kim Q và bà Dương Thị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, ông Q, bà D đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004807 ngày 02/8/2021 được chuyển thu án phí phúc thẩm toàn bộ 300.000 đồng.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện Ph (01 bản);
- CCTHADS huyện Ph (01 bản);
- Các đương sự (04 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Nguyệt